|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG AN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BCA | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

|  |
| --- |
| DỰ THẢO 2  31.7.2024 |

**THÔNG TƯ**

**Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân**

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27/6/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Công an các đơn vị, địa phương.
2. Cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.
3. Cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe trong Công an nhân dân.

4. Người thực hiện, tham gia công tác đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Thiết bị giám sát thời gian và quãng đường thực hành lái xe (thiết bị DAT) là thiết bị điện tử được lắp đặt trên xe ô tô để ghi, lưu trữ, xác thực và truyền nhận các thông tin bắt buộc liên quan trong quá trình dạy và thực hành lái xe. Thiết bị DAT phải đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe

2. Dữ liệu DAT là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ thiết bị DAT lắp trên ô tô tập lái xe trên đường về máy chủ của cơ sở đào tạo.

3. Dữ liệu quản lý DAT là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ máy chủ của cơ sở đào tạo về máy chủ của Cục Cảnh sát giao thông theo quy định.

4. Hệ thống thông tin DAT gồm các thiết bị phần cứng, đường truyền và phần mềm dùng để thu nhận, quản lý, khai thác dữ liệu quản lý DAT.

**Điều 4. Cán bộ, chiến sĩ đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

Cán bộ, chiến sĩ đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân gồm:

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân.

2. Học viên các trường Công an nhân dân, trừ học viên hệ dân sự.

3. Công nhân Công an; người có hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách Nhà nước tại Công an các đơn vị, địa phương do Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương trực tiếp ký kết với người lao động, gồm hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng và hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

**Điều 5. Thẩm quyền quản lý và tổ chức đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

1. Cục Cảnh sát giao thông quản lý và tổ chức đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe các hạng; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân; đổi, cấp lại, thu hồi các loại Giấy phép lái xe bộ cho cán bộ, chiến sĩ quy định tại Điều 4 Thông tư này trên toàn quốc.

2. Phòng Cảnh sát giao thông thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Phòng Cảnh sát giao thông) quản lý và tổ chức đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1; đổi, cấp lại, thu hồi Giấy phép lái xe các hạng cho cán bộ, chiến sĩ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Thông tư này thuộc phạm vi quản lý của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của cơ quan trực thuộc Bộ Công an có trụ sở trên địa bàn khi có đề nghị.

3. Cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân tuyển sinh, tổ chức đào tạo lái xe, bồi dưỡng, kiểm tra, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân.

**Điều 6. Chương trình, cơ sở dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe và Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

Cục Cảnh sát giao thông tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe gồm: Giáo trình đào tạo lái xe, bộ câu hỏi sát hạch lái xe, chương trình thực hành kỹ năng lái xe ô tô chấm điểm tự động, chương trình quản lý Giấy phép lái xe và Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuyển giao các chương trình đã được phê duyệt cho Công an địa phương và các cơ sở đào tạo, trung tâm sát hạch lái xe để tổ chức thực hiện; chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu và số hóa hồ sơ về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe và Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân, kết nối, chia sẻ với các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Công an.

**Điều 7. Thẩm quyền quyết định và ký các giấy tờ liên quan đến quản lý đào tạo, sát hạch, cấp, quản lý Giấy phép lái xe, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông có thẩm quyền quyết định và ký các giấy tờ sau:

a) Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân; Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân;

b) Thẻ sát hạch viên; Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; Giấy phép xe tập lái;

c) Quyết định mở lớp đào tạo lái xe ô tô, mô tô; Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe; Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe;

d) Giấy phép lái xe; Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

đ) Quyết định thu hồi, hủy: Giấy phép lái xe, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, Thẻ sát hạch viên, Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe, Giấy phép xe tập lái, Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân, Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân;

e) Quyết định thành lập Hội đồng hủy biểu mẫu;

g) Thông báo tiếp nhận, trả lời xác minh về Giấy phép lái xe, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

2. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Giám đốc Công an cấp tỉnh) có thẩm quyền ký các giấy tờ sau:

a) Quyết định mở lớp đào tạo lái xe mô tô;

b) Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe mô tô của Công an địa phương;

c) Quyết định thành lập Hội đồng hủy biểu mẫu;

d) Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch và cấp giấy phép lái xe.

3. Trưởng phòng Phòng Cảnh sát giao thông có thẩm quyền ký Giấy phép lái xe và các giấy tờ liên quan đến Giấy phép lái xe thuộc địa phương quản lý.

4. Thủ trưởng cơ sở đào tạo ký Chứng chỉ và Quyết định cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân.

5. Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe ký biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, các giấy tờ liên quan đến kỳ sát hạch lái xe.

6. Chủ tịch Hội đồng hủy biểu mẫu và các thành viên Hội đồng hủy biểu mẫu ký biên bản hủy biểu mẫu.

**Điều 8. Phí sát hạch, lệ phí cấp Giấy phép lái xe, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

Phí sát hạch, lệ phí cấp Giấy phép lái xe, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí sát hạch, lệ phí cấp Giấy phép lái xe và Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 9. Chế độ thông tin, báo cáo**

1. Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất cơ sở đào tạo lái xe báo cáo Cục Cảnh sát giao thông tình hình, kết quả công tác đào tạo, sát hạch lái xe, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và năng lực đào tạo.

2. Định kỳ hàng tháng, 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo tình hình, kết quả công tác đào tạo, sát hạch, quản lý Giấy phép lái xe của địa phương và chuyển dữ liệu quản lý Giấy phép lái xe của địa phương về Cục Cảnh sát giao thông.

3. Cục Cảnh sát giao thông tổng hợp, quản lý dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do Công an các địa phương, cơ sở đào tạo lái xe chuyển về để phục vụ yêu cầu công tác.

**Điều 10. Các biểu mẫu, phụ lục sử dụng trong công tác đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu, phụ lục sử dụng trong công tác đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ như sau:

1. Đơn đề nghị học, sát hạch, cấp, đổi, cấp lại Giấy phép lái xe (mẫu số 01).
2. Đơn đề nghị học, kiểm tra, cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân (mẫu số 02).
3. Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe (mẫu số 03).
4. Biên bản kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân (mẫu số 04).
5. Danh sách đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe (mẫu số 05).
6. Danh sách đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái (mẫu số 06).
7. Xác nhận hồ sơ Giấy phép lái xe (mẫu số 07).
8. Sổ cấp Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe (mẫu số 08).
9. Sổ cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân (mẫu số 09).
10. Sổ quản lý Giấy phép lái xe (mẫu số 10).
11. Sổ lên lớp (mẫu số 11).
12. Sổ theo dõi sử dụng phôi Giấy phép lái xe (mẫu số 12).
13. Sổ theo dõi sử dụng phôi Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân (mẫu số 13).
14. Thẻ sát hạch viên (mẫu số 14).
15. Phù hiệu “Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe” (mẫu số 15A).
16. Phù hiệu “Phó Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe” (mẫu số 15B).
17. Phù hiệu “Ủy viên Hội đồng sát hạch lái xe” (mẫu số 15C).
18. Phù hiệu “Thư ký Hội đồng sát hạch lái xe” (mẫu số 15D).
19. Phù hiệu “Sát hạch viên” (mẫu số 15E).
20. Giấy phép lái xe Công an nhân dân (mẫu số 16).
21. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe (mẫu số 17).
22. Giấy phép xe ô tô tập lái (mẫu số 18).
23. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân (mẫu số 19).
24. Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe (mẫu số 20).
25. Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe (mẫu số 21).
26. Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân (mẫu số 22).
27. Quyết định mở lớp đào tạo lái xe (mẫu số 23).
28. Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe (mẫu số 24).
29. Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe (mẫu số 25).
30. Quyết định thành lập Hội đồng hủy biểu mẫu (mẫu số 26).
31. Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân (mẫu số 27).
32. Báo cáo kết quả bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân (mẫu số 28).
33. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng A1, A (Phụ lục số 01).
34. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng B1 (Phụ lục số 02).
35. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng B, C1, C, D1, D2, D (Phụ lục số 03).
36. Thực hành kỹ năng lái xe tiến lùi qua hình chữ chi và quay đầu xe trong sân hẹp (Phụ lục số 04).
37. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE (Phụ lục số 05).
38. Sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông công cộng (Phụ lục số 06).
39. Ký hiệu số Giấy phép lái xe quản lý theo địa phương (Phụ lục số 07).

**Chương II**

**ĐÀO TẠO LÁI XE**

**Mục 1**

**TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE**

**Điều 11. Cơ sở đào tạo lái xe**

1. Cơ sở đào tạo lái xe là tổ chức được cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định. Cơ sở đào tạo lái xe phải bảo đảm về năng lực đào tạo, bao gồm: Cơ sở vật chất, xe tập lái, giáo viên dạy lái xe theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Thông tư này và phải được Cục Cảnh sát giao thông cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe.

2. Cơ sở đào tạo lái xe chỉ được đào tạo số lượng học viên phù hợp với năng lực đào tạo lái xe đã được công nhận tại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe. Trường hợp thông tin trên Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe bị sai hoặc thay đổi về năng lực đào tạo lái xe, cơ sở đào tạo lái xe thực hiện thủ tục cấp đổi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe. Trường hợp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe bị mất, hỏng, cơ sở đào tạo lái xe thực hiện thủ tục cấp lại. Trường hợp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe bị cấp sai thẩm quyền hoặc không còn đáp ứng đủ điều kiện thì bị thu hồi.

3. Trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe.

Cơ sở đào tạo lái xe gửi hồ sơ sau đây về Cục Cảnh sát giao thông:

a) Hồ sơ cấp lần đầu gồm: Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; báo cáo về năng lực đào tạo lái xe và giấy tờ chứng minh bảo đảm về năng lực đào tạo lái xe của cơ sở đào tạo lái xe;

b) Hồ sơ cấp đổi gồm: Văn bản đề nghị cấp đổi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe; Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe đã cấp (trường hợp thông tin bị sai) hoặc báo cáo về năng lực đào tạo mới và giấy tờ chứng minh năng lực đào tạo lái xe mới (trường hợp thay đổi năng lực đào tạo lái xe);

c) Hồ sơ cấp lại: Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe, nêu rõ lý do đề nghị cấp lại và nộp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe bị hỏng.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm cấp, cấp đổi, cấp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo lái xe hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp, cấp đổi, cấp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe

a) Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm nộp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe về Cục Cảnh sát giao thông để ra quyết định thu hồi và hủy Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe;

b) Phát hiện Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe thuộc trường hợp thu hồi, Cục Cảnh sát giao thông thông báo và yêu cầu cơ sở đào tạo lái xe nộp lại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe để ra quyết định thu hồi và hủy.

**Điều 12. Tiêu chuẩn, điều kiện về cơ sở vật chất**

Cơ sở đào tạo lái xe phải có các phòng học pháp luật giao thông đường bộ, cấu tạo ô tô, kỹ thuật lái xe; phòng giáo viên; xưởng thực tập bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; sân tập lái xe; bố trí đường tập lái xe bảo đảm theo tiêu chuẩn, yêu cầu sau đây:

1. Tiêu chuẩn, yêu cầu đối với phòng học pháp luật về giao thông đường bộ

a) Bảo đảm diện tích từ 0,7m2 cho mỗi học viên;

b) Có thiết bị nghe nhìn; hệ thống biển báo hiệu đường bộ, sa bàn bố trí các tình huống giả định;

c) Phòng học lý thuyết trên máy vi tính được bố trí riêng biệt; hệ thống máy tính gồm máy chủ, máy in và ít nhất 10 máy tính được kết nối mạng, có cài đặt phần mềm học và sát hạch lý thuyết do Cục Cảnh sát giao thông ban hành.

2. Tiêu chuẩn, yêu cầu đối với phòng học cấu tạo ô tô

a) Bảo đảm diện tích từ 50m2 trở lên, bố trí tối đa không quá 35 học viên;

b) Có mô hình cắt bổ động cơ, hệ thống truyền lực, mô hình hệ thống điện; hình hoặc tranh vẽ sơ đồ mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái;

c) Có các cụm chi tiết và tổng thành chủ yếu, hệ thống truyền động, hệ thống phanh và hệ thống lái.

3. Tiêu chuẩn, yêu cầu đối với phòng học kỹ thuật lái xe

a) Bảo đảm diện tích từ 50m2 trở lên, bố trí tối đa không quá 35 học viên;

b) Có mô hình, đồ dùng giảng dạy, sa bàn thu nhỏ để dạy thao tác lái xe cơ bản, kỹ năng và kinh nghiệm lái xe trên các loại đường;

c) Có ca bin điện tử hoặc đầu ca bin thực tế kê cao bảo đảm an toàn để tập số nguội (thao tác khi động cơ nổ) và thiết bị bổ trợ khác.

4. Tiêu chuẩn, yêu cầu đối với phòng giáo viên

a) Có bàn, ghế, tủ đựng tài liệu, đồ dùng giảng dạy cần thiết;

b) Có bảng ghi chương trình đào tạo và tiến độ đào tạo.

5. Tiêu chuẩn, yêu cầu đối với xưởng thực tập bảo dưỡng, sửa chữa:

a) Bảo đảm diện tích từ 50m2 trở lên, bố trí tối đa không quá 35 học viên;

b) Có mô hình chi tiết và tổng thành của hệ thống gầm, động cơ, điện, hệ thống cung cấp nhiên liệu, hệ thống phanh, hệ thống lái loại xe ô tô chạy bằng xăng và loại xe ô tô chạy bằng dầu;

c) Bảo đảm yêu cầu về an toàn cho người lái xe thực tập;

d) Được trang bị đồ nghề chuyên dùng để thực hành thao tác kiểm tra điều chỉnh các hệ thống động cơ, gầm, điện ô tô, phanh, lái và các bộ phận cần thiết khác.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với sân tập lái xe

a) Sân tập lái xe phải bố trí các hình liên hoàn hoặc từng hình tập phù hợp với từng hạng xe tương ứng với tiêu chuẩn hình thi tại trung tâm sát hạch lái xe;

b) Diện tích sân tập tối thiểu đối với từng hạng xe như sau:

Sân tập lái xe hạng A1, A, B1: 1.000m2;

Sân tập lái xe hạng B: 8.000m2;

Sân tập lái xe hạng C1, C: 10.000m2;

Sân tập lái xe hạng D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE: 14.000m2;

c) Sân tập lái xe ô tô phải có đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, bề mặt làn đường và hình tập lái; trong sân phải được rải thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, có đầy đủ vạch sơn kẻ đường; có nhà chờ cho học viên; có đủ tình huống các bài học theo nội dung chương trình đào tạo. Kích thước các hình tập lái đối với từng hạng xe tương ứng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ;

d) Đối với cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng đào tạo từ 1000 học viên trở lên phải có ít nhất 02 sân tập lái xe.

7. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với đường tập lái xe

Đường tập lái xe được bố trí trên đường giao thông công cộng, phải có đủ các tình huống giao thông (giao nhau cùng mức, chỗ rộng, chỗ hẹp, có đoạn lên dốc, xuống dốc, mật độ giao thông vừa phải) và được ghi rõ trong giấy phép xe tập lái.

8. Cơ sở đào tạo lái xe chỉ đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A, B1 thì phải có 01 phòng học pháp luật về giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 13. Xe tập lái**

1. Xe mô tô dùng để tập lái

Cơ sở đào tạo lái xe mô tô phải trang bị đủ xe mô tô tập lái có dung tích xi lanh tương ứng với hạng đào tạo và phải bảo đảm về an toàn kỹ thuật, được đăng ký, gắn biển số theo quy định. Xe mô tô dùng để tập lái thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe hoặc xe hợp đồng.

2. Xe ô tô dùng để tập lái

a) Cơ sở đào tạo lái xe ô tô phải trang bị đủ xe ô tô số sàn và xe ô tô số tự động. Xe ô tô dùng để tập lái thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe hoặc xe hợp đồng. Trường hợp xe hợp đồng thì cơ sở đào tạo lái xe phải ký hợp đồng có thời hạn từ 01 năm trở lên;

b) Xe ô tô tập lái phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: Có bộ phận phanh phụ kết cấu chắc chắn và bảo đảm an toàn, bố trí bên ghế ngồi phía bên phải của người lái xe; được đăng ký, gắn biển số đúng quy định; có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn thời hạn sử dụng; gắn 02 biển “TẬP LÁI”, 01 biển ở đầu xe trên thanh cản phía trước và 01 biển ở cuối xe trên thanh cản phía sau hoặc phía sau bên trái thùng xe theo mẫu quy định. Biển có nền xanh, chữ màu trắng, kích thước như sau: Đối với xe hạng C1, BE, C1E biển trước và biển sau kích thước 10cm x 25cm; đối với xe hạng C, D1, D2, D, CE, D1E, D2E, DE biển trước kích thước 10cm x 25cm, biển sau kích thước 35cm x 35cm. Đối với xe tải dùng để tập lái phải có ghế ngồi cho học viên được gắn cố định trên thùng xe, có mui che mưa, nắng. Trường hợp đào tạo lái xe hạng B thì phải sử dụng loại xe có trọng tải từ 1.000kg trở lên.

3. Xe ô tô dùng làm xe tập lái đủ điều kiện được Cục Cảnh sát giao thông cấp Giấy phép xe ô tô tập lái.

Giấy phép xe tập lái có thời hạn tương ứng với thời hạn trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe nhưng không vượt quá thời hạn sử dụng hợp pháp đối với xe tập lái.

Trường hợp thông tin trên Giấy phép xe tập lái bị sai, Giấy phép xe tập lái hết hạn thì cơ sở đào tạo lái xe thực hiện thủ tục cấp đổi. Trường hợp Giấy phép xe tập lái còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hỏng, cơ sở đào tạo lái xe thực hiện thủ tục cấp lại. Trường hợp Giấy phép xe tập lái bị cấp sai thẩm quyền, sử dụng không đúng mục đích hoặc cơ sở đào tạo lái xe không còn nhu cầu sử dụng trong việc thực hiện công tác đào tạo lái xe trong Công an nhân dân thì Cục Cảnh sát giao thông làm thủ tục thu hồi.

4. Trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép xe tập lái

Cơ sở đào tạo lái xe nộp hồ sơ sau đây về Cục Cảnh sát giao thông:

a) Hồ sơ cấp lần đầu gồm: Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xe tập lái kèm danh sách cấp Giấy phép xe tập lái theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này và giấy tờ chứng minh xe tập lái đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hồ sơ cấp đổi gồm: Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy phép xe tập lái kèm danh sách và hồ sơ xe tập lái theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này và Giấy phép xe tập lái đã được cấp lần gần nhất (trường hợp bị sai thông tin) hoặc giấy tờ chứng minh xe tập lái đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện (trường hợp hết hạn). Cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ và gửi về Cục Cảnh sát giao thông trong thời hạn 15 ngày trước ngày Giấp phép xe tập lái hết thời hạn;

c) Hồ sơ cấp lại gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép xe tập lái nêu rõ lý do đề nghị cấp lại kèm danh sách cấp lại Giấy phép xe tập lái theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này, giấy tờ chứng minh xe tập lái còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoặc Giấy phép xe tập lái bị hỏng (trường hợp bị hỏng).

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép xe tập lái hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép xe tập lái.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép xe tập lái

a) Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm báo cáo nêu rõ lý do và nộp lại Giấy phép xe tập lái về Cục Cảnh sát giao thông để ra quyết định thu hồi và hủy Giấy phép xe tập lái;

b) Trường hợp phát hiện Giấy phép xe tập lái thuộc trường hợp thu hồi, Cục Cảnh sát giao thông thông báo và yêu cầu cơ sở đào tạo lái xe nộp lại Giấy phép xe tập lái để ra quyết định thu hồi và hủy Giấy phép xe tập lái.

**Điều 14. Tiêu chuẩn của giáo viên dạy lái xe**

1. Tiêu chuẩn chung

a) Có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt;

b) Có đủ sức khỏe theo quy định;

c) Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

d) Thuộc biên chế hoặc có hợp đồng lao động đủ 36 tháng hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn với cơ sở đào tạo lái xe.

2. Tiêu chuẩn giáo viên dạy lý thuyết lái xe mô tô

Đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và có Giấy phép lái xe mô tô tương ứng hoặc cao hơn hạng Giấy phép lái xe đào tạo.

3. Tiêu chuẩn giáo viên dạy lý thuyết lái xe ô tô

Ngoài tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

a) Giáo viên dạy lý thuyết pháp luật về giao thông đường bộ, văn hóa giao thông phải có: Giấy phép lái xe ô tô; bằng tốt nghiệp trung cấp luật trở lên;

b) Giáo viên dạy môn cấu tạo sửa chữa thông thường phải có: Giấy phép lái xe ô tô; bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô;

c) Giáo viên dạy môn kỹ thuật lái xe phải có: Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô; giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo nhưng không được thấp hơn hạng B.

4. Tiêu chuẩn giáo viên dạy thực hành lái xe mô tô

Ngoài tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

b) Có Giấy phép lái xe mô tô tương ứng hoặc cao hơn hạng Giấy phép lái xe đào tạo;

c) Có thâm niên lái xe từ 03 năm trở lên.

5. Tiêu chuẩn giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô

Ngoài tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này còn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;

b) Có Giấy phép lái xe tương ứng hoặc cao hơn hạng Giấy phép lái xe đào tạo.

c) Giáo viên được phân công dạy các hạng Giấy phép lái xe B phải có thâm niên lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn từ 03 năm trở lên; dạy các hạng Giấy phép lái xe C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE phải có thâm niên lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn từ 05 năm trở lên.

**Điều 15. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe**

1. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe do Cục Cảnh sát giao thông cấp cho giáo viên đủ điều kiện quy định tại Điều 14 Thông tư này. Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe có thời hạn sử dụng 03 năm, gồm: Giáo viên dạy lý thuyết pháp luật về giao thông đường bộ, văn hóa giao thông; giáo viên dạy lý thuyết về cấu tạo sửa chữa thông thường, kỹ thuật lái xe; giáo viên dạy thực hành lái xe. Trường hợp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe bị sai thông tin hoặc hết thời hạn sử dụng, cơ sở đào tạo lái xe đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe. Trường hợp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe còn thời hạn sử dụng nhưng bị hỏng, mất, cơ sở đào tạo lái xe đề nghị cấp lại. Trường hợp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe bị cấp sai thẩm quyền hoặc giáo viên không còn hoạt động giảng dạy tại cơ sở đào tạo lái xe hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị thu hồi.

2. Trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

Cơ sở đào tạo lái xe xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn cho người có nhu cầu cấp lần đầu Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe và gửi hồ sơ sau đây đề nghị Cục Cảnh sát giao thông cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe:

a) Hồ sơ cấp lần đầu gồm: Kế hoạch tập huấn; danh sách người tham gia tập huấn theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; 04 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 3cm x 4cm của từng học viên và văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông cử giáo viên giảng dạy, tổ chức kiểm tra, đánh giá, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe đối với học viên đủ điều kiện;

b) Hồ sơ cấp đổi gồm: Văn bản đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe kèm danh sách cấp đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; 04 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 3cm x 4cm; Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe đã cấp (trường hợp sai thông tin) hoặc hồ sơ giáo viên đã được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe (trường hợp hết thời hạn). Cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ và gửi về Cục Cảnh sát giao thông trong thời hạn 15 ngày trước ngày Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe hết thời hạn;

c) Hồ sơ cấp lại: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe kèm danh sách cấp đổi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này; 04 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 3cm x 4cm của từng giáo viên và hồ sơ giáo viên đã được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe hoặc nộp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe bị hỏng.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn (đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe lần đầu), Cục Cảnh sát giao thông cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe cho những học viên đủ điều kiện.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ cấp đổi, cấp lại hợp lệ, Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe

a) Giáo viên có trách nhiệm nộp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe để báo cáo, nộp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe về Cục Cảnh sát giao thông ra quyết định thu hồi và hủy Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe;

b) Phát hiện Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe thuộc trường hợp thu hồi, Cục Cảnh sát giao thông thông báo và yêu cầu cơ sở đào tạo lái xe nộp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe để ra quyết định thu hồi và hủy Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe.

**Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo lái xe**

1. Bảo đảm và duy trì về năng lực đào tạo đã được công nhận; báo cáo cơ quan quản lý đào tạo lái xe khi không bảo đảm và duy trì về năng lực đào tạo đã được công nhận; nộp lại các giấy tờ đã được cấp trong trường hợp bị thu hồi theo quy định của Thông tư này.

2. Công khai điều kiện tuyển sinh, chương trình đào tạo, học phí, phí sát hạch, lệ phí cấp Giấy phép lái xe, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.

3. Chịu trách nhiệm kiểm tra đối với học viên về đối tượng, độ tuổi, sức khoẻ và thâm niên lái xe (đối với trường hợp nâng hạng).

4. Thực hiện đúng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo; chấm điểm các môn kiểm tra theo quy định; đánh giá kết quả học tập của học viên; tổ chức kiểm tra, cấp chứng chỉ tốt nghiệp cho các học viên đủ điều kiện.

5. Đăng ký với cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người điều khiển xe máy chuyên dùng về việc tổ chức kỳ sát hạch lái xe, kỳ kiểm tra kiến thức pháp luật.

6. Ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đào tạo để nhận dạng và theo dõi thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng đào tạo lái xe.

7. Truyền dữ liệu quản lý DAT và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT; bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo mật cho hệ thống thông tin DAT; bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Cục Cảnh sát giao thông; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu DAT cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

8. Theo dõi, khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Cảnh sát giao thông để phục vụ công tác quản lý đào tạo lái xe; kiểm tra tính chính xác các thông tin về giáo viên, xe tập lái.

6. Lưu trữ, quản lý hồ sơ theo quy định tại Điều 51 Thông tư này.

**Mục 2**

**CÁN BỘ, CHIẾN SĨ HỌC LÁI XE**

**Điều 17. Điều kiện của cán bộ, chiến sĩ học lái xe**

1. Đảm bảo độ tuổi, sức khoẻ, trình độ văn hoá theo quy định. Đối với cán bộ, chiến sĩ học để nâng hạng Giấy phép lái xe có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định.

2. Cán bộ, chiến sĩ học để nâng hạng Giấy phép lái xe phải có đủ thời gian lái xe và số km lái xe an toàn. Nâng hạng Giấy phép lái xe kế tiếp có thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên. Nâng hạng Giấy phép lái xe vượt hạng có thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên.

Thời gian lái xe an toàn được tính từ ngày chấp hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc sau khi Giấy phép lái xe được phục hồi đủ 12 điểm.

**Điều 18. Hồ sơ đăng ký học lái xe**

Cán bộ, chiến sĩ nộp hồ sơ sau đây tại cơ sở đào tạo để đăng ký học lái xe:

1. Đơn đề nghị học, sát hạch, cấp, đổi, cấp lại Giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác (mẫu số 01).

2. Thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (bản sao);

3. Giấy chứng nhận sức khỏe của cán bộ, chiến sĩ lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Y tế.

4. 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 3cm x 4cm; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên các trường Công an nhân dân mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân. Công nhân công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân mặc trang phục gọn gàng, lịch sự.

5. Đối với công nhân Công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân phải có thêm bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cấp có thẩm quyền.

**Mục 3**

**CHƯƠNG TRÌNH, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO LÁI XE**

**Điều 19. Hình thức đào tạo**

1. Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm tổ chức đào tạo tập trung các môn học lý thuyết và thực hành theo chương trình quy định tại Thông tư này. Đối với các môn học Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Văn hóa giao thông nếu học viên có nhu cầu tự học thì phải đăng ký tại cơ sở đào tạo để được hướng dẫn học.

2. Các môn học đối với hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE phải được kiểm tra tập trung tại cơ sở đào tạo để cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe.

3. Cơ sở đào tạo được tổ chức đào tạo vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngoài giờ hành chính cho cán bộ, chiến sĩ có nhu cầu, nhưng phải đảm bảo nội dung, chương trình và thời lượng theo quy định.

**Điều 20. Đào tạo lái xe các hạng A1, A, B1**

1. Thời gian đào tạo khoá học

a) Hạng A1: 24 giờ học (lý thuyết: 10, thực hành: 14);

b) Hạng A: 48 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành: 24);

c) Hạng B1: 108 giờ học (lý thuyết: 48, thực hành: 60).

2. Phân bổ thời gian đào tạo

| **STT** | **CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN** | **ĐƠN VỊ TÍNH** | **HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HẠNG A1** | **HẠNG**  **A** | **HẠNG B1** |
| **A** | **CÁC MÔN HỌC** |  |  |  |  |
| 1 | Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ | giờ học | 4 | 12 | 24 |
| 2 | Cấu tạo, sửa chữa thông thường | giờ học |  |  | 4 |
| 3 | Kỹ thuật lái xe | giờ học | 3 | 4 | 10 |
| 4 | Văn hóa giao thông | giờ học | 3 | 4 | 10 |
| 5 | Kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn | giờ học |  | 2 |  |
| 6 | Kỹ năng cấp cứu | giờ học |  | 2 |  |
| 7 | Thực hành kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố, tai nạn | giờ học |  | 2 |  |
| 8 | Thực hành kỹ năng cấp cứu | giờ học |  | 2 |  |
| 9 | Thực hành lái xe  - Số giờ học thực hành lái xe/cán bộ, chiến sĩ  - Số km thực hành lái xe/cán bộ, chiến sĩ  - Số cán bộ, chiến sĩ/1 xe tập lái | giờ học  km  cán bộ, chiến sĩ | 14  14 | 20  20 | 60  12  120 |
| 10 | Số giờ/cán bộ, chiến sĩ/khóa đào tạo | giờ học | 24 | 48 | 60 |
| 11 | Tổng số giờ học/khóa đào tạo | giờ học | 24 | 48 | 108 |
| **B** | **THỜI GIAN ĐÀO TẠO** |  |  |  |  |
| 1 | Số ngày thực học | ngày | 3 | 6 | 13,5 |
| 2 | Số ngày nghỉ lễ, khai giảng, bế giảng | ngày |  |  | 2 |
| 3 | Cộng số ngày/khóa đào tạo | ngày | 3 | 6 | 15,5 |

Chương trình đào tạo lái xe này không áp dụng đối với cán bộ, chiến sĩ học tại Khoa Cảnh sát giao thông của các Học viện, trường Công an nhân dân.

**Điều 21. Đào tạo lái xe các hạng B, C1**

1. Thời gian đào tạo khoá học

a) Hạng B: 572 giờ học (lý thuyết: 118, thực hành: 454);

c) Hạng C1: 940 giờ học (lý thuyết: 136, thực hành: 804).

2. Phân bổ thời gian đào tạo

| STT | CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN | ĐƠN VỊ TÍNH | HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| HẠNG  B | HẠNG  C1 |
| A | CÁC MÔN HỌC |  |  |  |
| 1 | Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ | giờ học | 80 | 80 |
| 2 | Cấu tạo và sửa chữa thông thường | giờ học | 8 | 8 |
| 3 | Kỹ thuật lái xe | giờ học | 16 | 30 |
| 4 | Văn hóa giao thông | giờ học | 10 | 14 |
| 5 | Kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố tai nạn | giờ học | 2 | 2 |
| 6 | Kỹ năng cấp cứu | giờ học | 2 | 2 |
| 7 | Thực hành kỹ năng phòng chống cháy, nổ, xử lý ứng phó với các sự cố, tai nạn | giờ học | 2 | 2 |
| 8 | Thực hành kỹ năng cấp cứu | giờ học | 2 | 2 |
| 7 | Tổng số giờ học thực hành lái xe/1 xe tập lái  - Tổng số giờ học thực hành lái xe số tự động/1 xe tập lái  - Số giờ học thực hành trên sân tập lái/cán bộ, chiến sĩ  - Số giờ học thực hành lái xe trên đường giao thông/cán bộ, chiến sĩ  - Số giờ học thực hành lái xe số tự động/cán bộ, chiến sĩ  - Tổng số km thực hành lái xe/cán bộ, chiến sĩ  - Số km thực hành lái xe trên sân tập lái/cán bộ, chiến sĩ  - Số km thực hành lái xe trên đường giao thông/cán bộ, chiến sĩ  - Số cán bộ, chiến sĩ/1 xe tập lái | giờ học  giờ học  giờ học  giờ học  giờ học  km  km  km  CBCS | 440  10  44  44  2  960  135  825  5 | 800  50  50  1000  135  865  8 |
| 8 | Số giờ học/cán bộ, chiến sĩ/khóa đào tạo | giờ học | 212 | 236 |
| 9 | Tổng số giờ học/1 khóa đào tạo | giờ học | 572 | 940 |
| B | THỜI GIAN ĐÀO TẠO |  |  |  |
| 1 | Ôn và kiểm tra kết thúc khoá học | ngày | 3 | 3 |
| 2 | Số ngày thực học | ngày | 71,5 | 117,5 |
|  | Số ngày nghỉ lễ, khai giảng, bế giảng | ngày | 14 | 21 |
| 3 | Cộng số ngày/khóa đào tạo | ngày | 88,5 | 141,5 |

Chương trình đào tạo lái xe này không áp dụng đối với cán bộ, chiến sĩ học tại Khoa Cảnh sát giao thông của các Học viện, trường Công an nhân dân; cán bộ, chiến sĩ học lớp đào tạo lái xe chữa cháy

**Điều 22. Đào tạo nâng hạng Giấy phép lái xe**

1. Thời gian đào tạo khoá học:

a) Hạng B lên C1: 136 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành: 112);

b) Hạng B lên C: 168 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành: 144);

c) Hạng B lên D1: 212 giờ học (lý thuyết: 28, thực hành: 184);

d) Hạng B lên D2: 252 giờ học (lý thuyết: 28, thực hành: 224);

đ) Hạng C1 lên C: 168 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành: 144);

e) Hạng C1 lên D1: 168 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành: 144);

g) Hạng C1 lên D2: 248 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành: 224);

h) Hạng C lên D: 308 giờ học (lý thuyết: 28, thực hành: 280);

k) Hạng D1 lên D2: 168 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành: 144);

l) Hạng D2 lên D: 204 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành: 180);

m) Hạng D1 lên D: 304 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành: 280);

n) Hạng B, C1, C, D1, D2, D lên các hạng tương ứng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE: 248 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành: 224).

2. Phân bổ thời gian đào tạo

| STT | CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN | ĐƠN VỊ TÍNH | HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| B lên C1 | B  lên  C | B lên D1 | B lên D2 | C1 lên C | C1 lên D1 | C1 lên D2 | C lên D | D1 lên D2 | D2 lên D | D1 lên D | B, C1, C, D1, D2, D lên BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE |
| A | CÁC MÔN HỌC |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ | giờ học | 16 | 16 | 20 | 20 | 16 | 16 | 16 | 20 | 16 | 16 | 16 | 16 |
| 2 | Kiến thức mới về xe nâng hạng | giờ học | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |
| 3 | Thực hành lái xe/1 xe tập lái  - Tổng số giờ thực hành lái xe/1 cán bộ chiến sĩ  - Số giờ học thực hành lái xe trên sân tập lái/cán bộ, chiến sĩ  - Số giờ học thực hành trên đường giao thông/cán bộ, chiến sĩ  - Tổng số km thực hành lái xe/cán bộ chiến sĩ  - Số km học thực hành lái xe trên sân tập lái/cán bộ, chiến sĩ  - Số km học thực hành lái xe trên đường giao thông/cán bộ, chiến sĩ  - Số cán bộ chiến sĩ/1 xe tập lái | giờ học  giờ học  giờ học  giờ học  km  km  CBCS | 112  14  4  10  150  20  130  8 | 144  18  6  12  240  30  210  8 | 184  23  10  13  340  60  280  8 | 224  28  13  15  380  40  340  8 | 144  18  6  12  150  20  130  8 | 144  18  6  12  240  30  210  8 | 224  28  13  15  240  30  210  8 | 280  28  13  15  380  40  340  10 | 144  18  6  12  150  20  130  8 | 180  18  6  12  240  30  210  10 | 280  28  13  13  380  40  340  10 | 224  28  13  15  240  8 |
| 4 | Số giờ học/cán bộ chiến sĩ/khóa đào tạo | giờ học | 38 | 42 | 51 | 56 | 42 | 42 | 52 | 56 | 36 | 42 | 36 | 52 |
| 5 | Tổng số giờ học/1 khoá đào tạo | giờ học | 136 | 168 | 212 | 252 | 168 | 168 | 248 | 308 | 168 | 204 | 304 | 248 |
| B | THỜI GIAN ĐÀO TẠO |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Ôn và kiểm tra kết thúc khoá học | ngày | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 2 | Số ngày thực học | ngày | 17 | 21 | 26,5 | 31,5 | 21 | 21 | 31 | 38,5 | 21 | 25,5 | 38 | 31 |
|  | Số ngày nghỉ lễ, khai giảng, bế giảng | ngày | 2 | 3 | 3 | 4 | 3 | 3 | 4 | 4 | 3 | 3 | 4 | 4 |
| 3 | Cộng số ngày/khóa đào tạo | ngày | 21 | 26 | 31,5 | 37,5 | 26 | 26 | 37 | 44,5 | 26 | 30,5 | 44 | 37 |

Chương trình đào tạo lái xe này không áp dụng đối với cán bộ, chiến sĩ học tại Khoa Cảnh sát giao thông của các Học viện, trường Công an nhân dân; cán bộ, chiến sĩ học lớp đào tạo lái xe chữa cháy.

**Điều 23. Thực hiện đào tạo lái xe**

1. Đào tạo lái xe mô tô

a) Trước khai giảng khóa học 10 ngày, cơ sở đào tạo lái xe phải gửi hồ sơ báo cáo Cục Cảnh sát giao thông (đối với cơ sở đào tạo lái xe thuộc Bộ Công an), Công an cấp tỉnh (đối với cơ sở đào tạo lái xe thuộc Công an địa phương) về việc mở lớp đào tạo lái xe gồm: Văn bản đề nghị mở lớp kèm theo danh sách và hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Cảnh sát giao thông, Công an cấp tỉnh ra quyết định mở lớp đào tạo lái xe mô tô.

Trường hợp Công an địa phương chưa có cơ sở đào tạo lái xe, Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức xây dựng kế hoạch đào tạo, lập danh sách và hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ và báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh ra quyết định mở lớp đào tạo lái xe mô tô. Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm bố trí cán bộ Cảnh sát giao thông đã được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe để đào tạo lái xe cho cán bộ, chiến sĩ;

b) Cơ sở đào tạo lái xe, Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ. Sau khi có Quyết định mở lớp đào tạo lái xe mô tô, cơ sở đào tạo lái xe tổ chức đào tạo lý thuyết, thực hành lái xe theo Điều 20 Thông tư này;

c) Kết thúc khóa học, cơ sở đào tạo lái xe phải có văn bản gửi Cục Cảnh sát giao thông (đối với cơ sở đào tạo lái xe thuộc Bộ Công an), Công an cấp tỉnh (đối với cơ sở đào tạo lái xe thuộc Công an địa phương) báo cáo kết quả đào tạo lái xe, kèm theo danh sách và hồ sơ dự sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ để xem xét, ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

Trường hợp Công an địa phương chưa có cơ sở đào tạo lái xe thì Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo kết quả đào tạo lái xe, kèm theo danh sách và hồ sơ dự sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ học lái xe, đề xuất Công an cấp tỉnh xem xét, ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

2. Đào tạo lái xe ô tô

a) Trước khai giảng khóa học 10 ngày, cơ sở đào tạo lái xe gửi hồ sơ báo cáo Cục Cảnh sát giao thông về việc mở lớp đào tạo lái xe, gồm: Văn bản đề nghị mở lớp kèm kế hoạch đào tạo, danh sách phân xe, danh sách phân công giáo viên, danh sách và hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ học lái xe. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Cảnh sát giao thông ra quyết định mở lớp đào tạo lái xe ô tô;

b) Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký học lái xe của cán bộ, chiến sĩ. Sau khi có Quyết định mở lớp đào tạo lái xe ô tô, cơ sở đào tạo lái xe tổ chức đào tạo lý thuyết, thực hành lái xe theo Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư này.

Cơ sở đào tạo lái xe phải bố trí đủ xe tập lái, bảo đảm tối đa không quá 05 cán bộ, chiến sĩ học lái xe trên một xe đối với các hạng B; tối đa không quá 08 cán bộ, chiến sĩ học lái xe trên một xe đối với hạng C1; tối đa không quá 08 cán bộ, chiến sĩ học lái xe trên một xe đối với nâng hạng B lên hạng C1, hạng B lên hạng C, hạng B lên hạng D1, hạng B lên hạng D2, hạng C1 lên hạng C, hạng C1 lên hạng D1, hạng C1 lên hạng D2, hạng D1 lên hạng D2 và nâng các hạng B, C1, C, D1, D2, D lên các hạng tương ứng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE; tối đa không quá 10 cán bộ, chiến sĩ học lái xe trên một xe đối với nâng hạng C lên hạng D, hạng D2 lên hạng D, hạng D1 lên hạng D.

c) Kết thúc khóa học, cơ sở đào tạo lái xe tổ chức ôn luyện và kiểm tra cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe cho cán bộ, chiến sĩ học lái xe, gồm: Phần thi lý thuyết trên máy tính; phần thi thực hành lái xe với các hình thi liên hoàn, tiến lùi chữ chi và quay đầu trong sân hẹp (trừ B1 và các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE) và phần thi kỹ năng lái xe trên đường giao thông công cộng. Cán bộ, chiến sĩ đạt yêu cầu mới được cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe;

d) Cơ sở đào tạo lái xe có văn bản báo cáo Cục Cảnh sát giao thông về kết quả đào tạo và đề nghị sát hạch lái xe, kèm theo danh sách cán bộ, chiến sĩ học lái xe, hồ sơ sát hạch lái xe để Cục Cảnh sát giao thông xem xét, quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

**Điều 24. Trách nhiệm cơ quan quản lý đào tạo lái xe**

1. Cục Cảnh sát giao thông:

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an thành lập, đình chỉ hoạt động, giải thể cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe trong Công an nhân dân theo quy định;

b) Ban hành nội dung, chương trình đào tạo, tập huấn, giáo trình có liên quan theo quy định tại Thông tư này; tổ chức đào tạo lái xe các hạng.

c) Hướng dẫn, kiểm tra đối với các cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân; quản lý công tác đào tạo lái xe của các cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân: Kiểm tra cơ sở vật chất, tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn; quyết định công nhận năng lực đào tạo; Giấy phép xe tập lái; Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe; quyết định mở lớp đào tạo lái xe;

d) Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất thực hiện kiểm tra việc duy trì năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe trong Công an nhân dân; kiểm tra công tác đào tạo, thi, cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe cho học viên của cơ sở đào tạo lái xe;

đ) Thu hồi Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe, Giấy phép xe tập lái, Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe.

g) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống thông tin DAT của Cục Cảnh sát giao thông đảm bảo việc tiếp nhận, tổng hợp, phân tích dữ liệu quản lý DAT phục vụ cho việc khai thác dữ liệu quản lý DAT; đảm bảo hệ thống thông tin DAT hoạt động liên tục, ổn định và lưu trữ dữ liệu quản lý DAT tối thiểu là 02 năm.

h) Chuyển giao phần mềm quản lý DAT cho các cơ sở đào tạo; xây dựng biểu mẫu, sổ sách nghiệp vụ phục vụ công tác đào tạo lái xe.

k) Cung cấp tài khoản để các cơ sở đào tạo đăng nhập, truyền dữ liệu và khai thác dữ liệu trên phần mềm hệ thống thông tin DAT của Cục Cảnh sát giao thông.

2. Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm:

Tổ chức đào tạo lái xe các hạng A1, A, B1; bố trí cán bộ Cảnh sát giao thông đã được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ học lái xe các môn học lý thuyết và thực hành lái xe.

**Chương III**

**SÁT HẠCH LÁI XE**

**Mục 1**

**TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE**

**Điều 25. Điều kiện của trung tâm sát hạch**

1. Sát hạch lái xe được thực hiện tại Trung tâm Huấn luyện, bồi dưỡng, đào tạo và sát hạch lái xe thuộc Cục Cảnh sát giao thông hoặc các trung tâm sát hạch lái xe đáp ứng đủ điều kiện quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này và được Cục Cảnh sát giao thông cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân. Trường hợp sát hạch lái xe tại các trung tâm sát hạch lái xe ngoài ngành Công an thì các trung tâm đó phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động và được Cục Cảnh sát giao thông đồng ý.

Trường hợp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân bị sai thông tin hoặc trung tâm sát hạch thay đổi các điều kiện quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này, trung tâm sát hạch lái xe thực hiện thủ tục cấp đổi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân. Trường hợp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch trong Công an nhân dân bị mất, hỏng, trung tâm sát hạch lái xe thực hiện thủ tục cấp lại. Trường hợp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân bị cấp sai thẩm quyền hoặc không còn đáp ứng đủ điều kiện thì bị thu hồi.

2. Trung tâm sát hạch lái xe ô tô phải bảo đảm theo yêu cầu kỹ thuật sân sát hạch theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

3. Sát hạch lái xe mô tô có thể thực hiện tại cơ sở đào tạo lái xe hoặc các sân có đủ điều kiện theo quy định tại phụ lục số 01 và phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Xe sát hạch: Xe cơ giới dùng để sát hạch ngoài việc tuân theo các quy định của Thông tư này còn phải đảm bảo điều kiện tham gia giao thông theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

a) Xe mô tô dùng để sát hạch: Xe thuộc sở hữu của trung tâm sát hạch hoặc cơ sở đào tạo lái xe mô tô hạng nào thì sử dụng loại xe mô tô có dung tích xi lanh tương ứng của cơ sở đào tạo để sát hạch; xe sát hạch phải bảo đảm về an toàn kỹ thuật, được đăng ký, gắn biển số theo quy định;

b) Xe ô tô dùng để sát hạch: Xe thuộc sở hữu của trung tâm sát hạch và có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn thời hạn sử dụng; xe sử dụng để sát hạch trong các hình liên hoàn được lắp đặt thiết bị chấm điểm tự động; xe dùng để sát hạch trên đường giao thông công cộng phải có bộ phận phanh phụ bố trí bên ghế ngồi phía bên phải của người lái xe, kết cấu chắc chắn và bảo đảm an toàn; có gắn 02 biển “SÁT HẠCH”, 01 biển phía trước và 01 biển phía sau xe; biển có nền xanh, chữ màu trắng; kích thước và vị trí gắn biển thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13.

5. Phòng sát hạch lý thuyết: Bố trí đủ máy tính và máy in phục vụ sát hạch lý thuyết: có vách ngăn giữa các máy tính để tạo không gian riêng biệt cho người dự sát hạch và được cài đặt phần mềm sát hạch lý thuyết do Cục Cảnh sát giao thông chuyển giao và sử dụng thống nhất đối với các hội đồng sát hạch lái xe trong Công an nhân dân, máy tính có khả năng kết nối internet khi có yêu cầu.

6. Phòng chờ sát hạch: có bố trí ghế ngồi cho người dự sát hạch, có máy in kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình và trên đường giao thông công cộng.

7. Phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình: có vị trí và kiến trúc phù hợp để người điều hành thiết bị quan sát được tất cả các ô tô trong sân sát hạch, có máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch, có trang bị thiết bị nhận tín hiệu báo lỗi và chấm điểm, có hệ thống thông tin bộ đàm.

8. Phòng Hội đồng sát hạch: có trang bị điều hòa nhiệt độ, bàn, ghế Hội đồng sát hạch.

9. Các công trình phụ trợ khác: Căn cứ nhu cầu thực tế, trung tâm sát hạch lái xe thiết kế, xây dựng các công trình phụ trợ theo tiêu chuẩn hiện hành.

10. Trung tâm sát hạch lái xe phải có hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe; dữ liệu từ hệ thống camera giám sát được lưu trữ tại Trung tâm sát hạch tối thiểu 02 năm, đồng thời truyền dữ liệu về Cục Cảnh sát giao thông để giám sát. Hệ thống camera giám sát sát hạch và các thiết bị lưu trữ dữ liệu tại Trung tâm sát hạch lái xe phải được quản lý theo quy định, không được kết nối internet, các thiết bị ngoại vi và cơ sở dữ liệu khác.

11. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch trong Công an nhân dân

a) Hồ sơ cấp lần đầu gồm: Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch trong Công an nhân dân; báo cáo về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và các giấy tờ chứng minh bảo đảm về tiêu chuẩn sát hạch của trung tâm sát hạch và cơ sở đào tạo lái xe;

b) Hồ sơ cấp đổi gồm: Văn bản đề nghị cấp đổi Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch trong Công an nhân dân (nêu rõ lý do cấp đổi); Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch trong Công an nhân dân đã cấp (trường hợp sai thông tin) hoặc báo cáo về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và các giấy tờ chứng minh bảo đảm về tiêu chuẩn sát hạch mới (trường hợp thay đổi điều kiện);

c) Hồ sơ cấp lại gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch trong Công an nhân dân và Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch trong Công an nhân dân (trường hợp bị hỏng).

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm cấp, cấp đổi, cấp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp, cấp đổi, cấp lại Quyết định công nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện sát hạch lái xe trong Công an nhân dân.

**Điều 26. Trách nhiệm của trung tâm sát hạch**

1. Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện theo quy định. Báo cáo cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe khi không bảo đảm và duy trì về điều kiện sát hạch đã được công nhận; nộp lại các giấy tờ đã được cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe đã cấp trong trường hợp bị thu hồi theo quy định của Thông tư này.

2. Không được tự ý thay đổi hoặc sử dụng phần mềm sát hạch, thiết bị chấm điểm, chủng loại xe sát hạch khi chưa có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phối hợp và tạo điều kiện để các cơ sở đào tạo lái xe đưa học viên đến ôn luyện và các Hội đồng sát hạch lái xe tổ chức sát hạch thuận tiện, đúng kế hoạch.

4. Phối hợp đảm bảo các điều kiện để tổ chức sát hạch theo quy định, bảo đảm thuận tiện, an toàn; phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết theo quy định của pháp luật khi có tai nạn hoặc các vụ, việc xảy ra tại trung tâm.

5. Công khai mức thu phí sát hạch và giá các dịch vụ theo quy định.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

7. Trong quá trình tổ chức sát hạch, máy tính bố trí tại phòng sát hạch lý thuyết không được sử dụng dịch vụ truy cập Internet hoặc nối mạng máy tính nội bộ ra ngoài phòng sát hạch; máy chủ không được cài các phần mềm kết nối điều khiển máy tính từ xa, các phần mềm không liên quan đến nội dung sát hạch lý thuyết.

**Mục 2**

**CÁN BỘ, CHIẾN SĨ DỰ SÁT HẠCH LÁI XE**

**Điều 27. Yêu cầu đối với cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe**

1. Yêu cầu đối với cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe lần đầu:

a) Có tên trong danh sách đề nghị sát hạch trùng với tên trong danh sách mở lớp đào tạo lái xe của cơ sở đào tạo lái xe;

b) Đủ độ tuổi để điều khiển các hạng xe dự sát hạch theo quy định tại Điều 58 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

c) Có đủ hồ sơ theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 28 Thông tư này.

2. Yêu cầu đối với cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe:

a) Bảo đảm yêu cầu theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 28 Thông tư này;

b) Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe thực hiện trong những trường hợp sau đây:

a) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng B lên hạng C1 hoặc lên hạng C hoặc lên hạng D1 hoặc lên hạng D2;

b) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng C1 lên hạng C hoặc lên hạng D1 hoặc lên hạng D2;

c) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng C lên hạng D1 hoặc lên hạng D2 hoặc lên hạng D;

d) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng D1 lên hạng D2 hoặc lên hạng D;

đ) Nâng hạng giấy phép lái xe từ hạng D2 lên hạng D;

e) Nâng hạng giấy phép lái xe từ các hạng B, C1, C, D1, D2, D lên các hạng giấy phép lái xe tương ứng BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE.

3. Người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe phải có giấy phép lái xe đang còn hiệu lực và có đủ thời gian lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe; người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng D1, D2, D tối thiểu phải có trình độ từ trung học cơ sở.

4. Giấy phép lái xe hạng C, D1, D2, D và các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE phải được đào tạo bằng hình thức đào tạo nâng hạng theo các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Đối với cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch do Giấy phép lái xe quá hạn:

a) Có tên trong danh sách đề nghị sát hạch và quyết định thành lập hội đồng sát hạch của cấp có thẩm quyền;

b) Có đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư này.

**Điều 28. Hồ sơ sát hạch lái xe**

1. Hồ sơ sát hạch lái xe lần đầu:

a) Hồ sơ quy định tại Điều 18 Thông tư này;

b) Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe do cơ sở đào tạo lái xe của ngành Công an cấp, trừ hạng A1, A và B1 (mẫu số 20);

c) Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe (mẫu số 03).

2. Hồ sơ sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe:

a) Các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hồ sơ sát hạch lái xe lần đầu (sau đây gọi chung là hồ sơ gốc);

c) Bản sao Giấy phép lái xe còn giá trị sử dụng (xuất trình bản chính khi nộp hồ sơ, sát hạch và cắt góc khi nhận Giấy phép lái xe mới);

d) Đối với hồ sơ, Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải hoặc Quân đội cấp khi có nhu cầu nâng hạng sang Giấy phép lái xe ngành Công an, phải nộp bản sao có chứng thực quyết định tuyển dụng vào ngành hoặc quyết định lên lương gần nhất hoặc chứng minh Công an nhân dân.

3. Hồ sơ sát hạch do Giấy phép lái xe quá hạn:

a) Hồ sơ gốc;

b) Các giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 18 Thông tư này.

4. Khi đăng ký hồ sơ sát hạch lái xe, cán bộ, chiến sĩ chụp ảnh trực tiếp hoặc gửi ảnh tại cơ sở đào tạo để cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu.

**Điều 29. Trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe**

1. Có mặt đúng giờ tại địa điểm sát hạch lái xe, mặc trang phục Công an nhân dân. Đối với công nhân Công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân thì mặc trang phục gọn gàng, lịch sự.

2. Xuất trình Chứng minh Công an nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước còn thời hạn hoặc căn cước điện tử để vào dự sát hạch lái xe.

3. Khi vào dự sát hạch lái xe, cán bộ, chiến sĩ không được sử dụng tài liệu, điện thoại di động hoặc phương tiện, thiết bị kỹ thuật; trường hợp vi phạm quy định thì bị xem xét, đình chỉ sát hạch và hủy kết quả sát hạch.

**Mục 3**

**QUY TRÌNH, QUẢN LÝ SÁT HẠCH**

**Điều 30. Hội đồng sát hạch lái xe**

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị sát hạch và hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 23 Thông tư này, Cục Cảnh sát giao thông hoặc Công an cấp tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

2. Thành phần Hội đồng sát hạch lái xe:

a) Hội đồng sát hạch lái xe của Cục Cảnh sát giao thông gồm lãnh đạo Cục Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; lãnh đạo Phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông thuộc Cục Cảnh sát giao thông làm Phó Chủ tịch; Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe, Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe là Ủy viên (trường hợp sát hạch lái xe cho học viên chuyên ngành Cảnh sát giao thông, lái xe chữa cháy thì đại diện các trường Công an nhân dân có học viên tham dự sát hạch là Ủy viên); cán bộ Phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông thuộc Cục Cảnh sát giao thông là Thư ký và Sát hạch viên;

b) Hội đồng sát hạch lái xe của Công an địa phương do lãnh đạo Phòng Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch hội đồng; chỉ huy Đội Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ làm Phó Chủ tịch; Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe là Ủy viên (nếu có); cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông là Thư ký và Sát hạch viên.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng sát hạch lái xe:

a) Phổ biến các quy định về nội quy, kỷ luật sát hạch, nội dung, phương pháp sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết và khu vực sát hạch thực hành lái xe;

b) Kiểm tra và yêu cầu thực hiện các điều kiện bảo đảm tổ chức kỳ sát hạch;

c) Tổ chức việc sát hạch lái xe theo quy định;

d) Xác nhận kết quả sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch;

đ) Xem xét giải quyết theo thẩm quyền các trường hợp khiếu nại về việc sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch;

e) Đình chỉ và hủy kết quả sát hạch đối với cán bộ, chiến sĩ vi phạm nội quy sát hạch lái xe và thông báo cho cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ, chiến sĩ đó;

g) Quá trình tổ chức sát hạch nếu xảy ra tai nạn thì trung tâm sát hạch lái xe, cơ sở đào tạo lái xe và cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên trong hội đồng sát hạch lái xe:

a) Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe: Trực tiếp chỉ đạo hoặc phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng sát hạch tổ chức thực hiện kỳ sát hạch lái xe; kết luận, ký biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của từng cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch; thông qua biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe với các thành viên hội đồng khi kết thúc kỳ sát hạch; đình chỉ và hủy kết quả sát hạch đối với cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch vi phạm nội quy sát hạch lái xe; tạm dừng việc sát hạch lái xe khi thiết bị chấm điểm lý thuyết, thực hành bị hỏng, báo lỗi và chấm điểm không đúng quy trình, xe sát hạch không bảo đảm an toàn; xem xét giải quyết khiếu nại về việc sát hạch lái xe của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe: Thực hiện các nhiệm vụ khi được Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe phân công; chịu trách nhiệm tổ chức hội đồng sát hạch lái xe trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

c) Ủy viên Hội đồng sát hạch lái xe: Thực hiện các công việc do Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe phân công. Giám đốc trung tâm sát hạch chịu trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ kỳ sát hạch. Giám đốc cơ sở đào tạo lái xe chịu trách nhiệm về công tác quản lý cán bộ, chiến sĩ trong quá trình sát hạch;

d) Thư ký Hội đồng sát hạch lái xe: Được tập huấn cấp Thẻ sát hạch viên, thực hiện nhiệm vụ phân công của Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe; công bố Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe; điểm danh cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch trước khi vào sát hạch; kiểm tra điều kiện của cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch; tập hợp kết quả sát hạch và biên bản các trường hợp vi phạm nội quy, kỷ luật sát hạch (nếu có) để báo cáo Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe quyết định; hoàn chỉnh hồ sơ sát hạch để trình ký; bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến kỳ sát hạch cho bộ phận lưu trữ;

đ) Sát hạch viên: Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe; chịu trách nhiệm trực tiếp về việc đánh giá kết quả sát hạch của cán bộ, chiến sĩ trên từng nội dung sát hạch; lập biên bản đối với những cán bộ, chiến sĩ vi phạm nội quy, kỷ luật sát hạch (nếu có) và báo cáo Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe.

5. Thành viên Hội đồng sát hạch lái xe khi thực hiện nhiệm vụ phải mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân và đeo phù hiệu theo quy định.

6. Hội đồng sát hạch lái xe tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 31. Tiêu chuẩn, hồ sơ cấp thẻ sát hạch viên**

1. Tiêu chuẩn Sát hạch viên:

a) Là sĩ quan nghiệp vụ đang công tác trong lĩnh vực đào tạo, sát hạch, quản lý Giấy phép lái xe, có Giấy phép lái xe tương ứng với hạng xe sát hạch và có thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên;

b) Đã được Cục Cảnh sát giao thông tập huấn và cấp Thẻ sát hạch viên;

c) Có đủ sức khỏe theo quy định.

2. Thẻ sát hạch viên do Cục Cảnh sát giao thông cấp cho cán bộ, chiến sĩ đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này. Thẻ sát hạch viên có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp. Trường hợp Thẻ sát hạch viên bị sai thông tin hoặc hết hạn, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, chiến sĩ đề nghị Cục Cảnh sát giao thông cấp đổi Thẻ sát hạch viên. Trường hợp Thẻ sát hạch viên còn thời hạn sử dụng nhưng bị mất, hỏng đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, chiến sĩ đề nghị cấp lại. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ khi không còn công tác trong lĩnh vực đào tạo, sát hạch, quản lý Giấy phép lái xe hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc Thẻ sát hạch viên bị cấp sai thẩm quyền thì bị thu hồi.

3. Trình tự, thủ tục cấp Thẻ sát hạch viên:

Đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, chiến sĩ có trách nhiệm nộp hồ sơ và theo trình tự sau đây đề nghị cấp Thẻ sát hạch viên:

a) Hồ sơ cấp lần đầu gồm: Văn bản của đơn vị trực tiếp quản lý kèm theo danh sách cán bộ, chiến sĩ đề nghị Cục Cảnh sát giao thông tổ chức tập huấn, kiểm tra, đánh giá cấp Thẻ sát hạch viên; Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng; 04 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; biên bản tổng hợp kết quả kiểm tra và bài thu hoạch tập huấn đạt yêu cầu.

b) Hồ sơ cấp đổi đối với Thẻ sát hạch viên hết hạn gồm: Văn bản của đơn vị trực tiếp quản lý đề nghị Cục Cảnh sát giao thông cấp đổi Thẻ sát hạch viên; Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng; 04 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; Thẻ sát hạch viên đã cấp bị sai thông tin hoặc hết thời hạn sử dụng. Đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, chiến sĩ có Thẻ sát hạch viên lập hồ sơ và gửi về Cục Cảnh sát giao thông trong thời hạn 15 ngày trước ngày Thẻ sát hạch viên hết thời hạn.

c) Hồ sơ cấp lại Thẻ sát hạch viên do bị mất hoặc bị hỏng gồm: Văn bản của đơn vị trực tiếp quản lý đề nghị Cục Cảnh sát giao thông cấp lại Thẻ sát hạch viên; đơn cam kết không sử dụng Thẻ sát hạch viên sai mục đích, vi phạm pháp luật (trường hợp bị mất); Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng; 04 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm; Thẻ sát hạch viên (trường hợp bị hỏng).

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn (đối với trường hợp cấp Thẻ sát hạch viên lần đầu), Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm cấp Thẻ sát hạch viên cho cán bộ, chiến sĩ đủ điều kiện.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ cấp đổi, cấp lại hợp lệ, Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm đổi, cấp lại Thẻ sát hạch viên cho cán bộ, chiến sĩ.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi Thẻ sát hạch viên

a) Cán bộ, chiến sĩ có trách nhiệm nộp lại Thẻ sát hạch viên cho Trưởng phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, cấp, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông thuộc Cục Cảnh sát giao thông hoặc Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh để báo cáo Cục Cảnh sát giao thông ra quyết định thu hồi và huỷ.

b) Trường hợp phát hiện Thẻ sát hạch viên thuộc trường hợp thu hồi, Cục Cảnh sát giao thông thông báo và yêu cầu đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, chiến sĩ nộp lại Thẻ sát hạch viên để ra quyết định thu hồi và hủy.

**Điều 32. Nội dung, trình tự sát hạch lái xe**

Hội đồng sát hạch lái xe tổ chức việc sát hạch theo phân công của Chủ tịch Hội đồng. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe phải thực hiện hai phần sát hạch theo trình tự sau:

1. Sát hạch lý thuyết trên máy vi tính theo Bộ câu hỏi sát hạch lái xe do Cục Cảnh sát giao thông ban hành.

Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch đạt yêu cầu phần sát hạch lý thuyết mới được thực hiện phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe.

2. Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe:

a) Đối với hạng A1 và A: Thực hành kỹ năng lái xe trong hình (Phụ lục số 01);

b) Đối với hạng B1: Thực hành kỹ năng lái xe trong hình (Phụ lục số 02);

c) Đối với hạng B, C1, C, D1, D2, D: Thực hành kỹ năng lái xe qua các hình liên hoàn (Phụ lục số 03) và kỹ năng lái xe trên đường giao thông công cộng (Phụ lục số 06);

d) Đối với các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE: Thực hành kỹ năng lái xe trong hình (Phụ lục số 05),

đ) Sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường giao thông công cộng (Phụ lục số 06).

3. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch không đạt yêu cầu phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình thì được bảo lưu kết quả phần sát hạch lý thuyết trong thời gian 12 tháng.

4. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch không đạt yêu cầu kỹ năng lái xe trên đường giao thông công cộng thì được bảo lưu kết quả sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình trong thời gian 12 tháng.

5. Trong thời gian bảo lưu kết quả sát hạch, cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch chỉ được sát hạch lại một lần, nếu không đạt thì phải sát hạch lại từ đầu vào kỳ sát hạch sau.

**Điều 33. Thời gian thực hiện các phần sát hạch và công nhận kết quả sát hạch**

1. Phần sát hạch lý thuyết căn cứ kết quả được in ra từ chương trình sát hạch lý thuyết trên máy tính:

a) Đối với các hạng A1, A, B1: Thời gian làm bài là 15 phút, trả lời 20 câu hỏi; cụ thể: Hạng A1: Trả lời đúng 16 câu trở lên thì đạt yêu cầu; hạng A, B1: Trả lời đúng 18 câu trở lên thì đạt yêu cầu;

b) Đối với các hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE thời gian làm bài là 20 phút, trả lời 30 câu hỏi, cụ thể: Hạng B: Trả lời đúng 26 câu trở lên thì đạt yêu cầu; hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE: Trả lời đúng 28 câu trở lên thì đạt yêu cầu.

2. Phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình được thực hiện trên sân sát hạch. Tổng điểm phần sát hạch trong hình tối đa là 100 điểm. Cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch phải thực hiện đủ các bài sát hạch và đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu, cụ thể:

a) Thời gian sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình đối với hạng A1, A, B1, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE là 10 phút.

b) Thời gian sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trong hình đối với hạng D1, D2 là 15 phút; hạng B là 18 phút; hạng C1, C, D là 20 phút và được quy định tại chương trình thực hành kỹ năng lái xe chấm điểm tự động do Cục Cảnh sát giao thông công nhận.

3. Phần sát hạch thực hành kỹ năng lái xe trên đường giao thông công cộng được thực hiện đối với hạng B, C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE*.* Hội đồng sát hạch bố trí 01 sát hạch viên chấm điểm độc lập hoặc chấm điểm bằng hệ thống chấm điểm tự động do Cục Cảnh sát giao thông ban hành (nếu có). Tổng điểm phần sát hạch tối đa 20 điểm, đạt yêu cầu từ 16 điểm trở lên.

4. Căn cứ vào kết quả điểm sát hạch từng phần và nhận xét của sát hạch viên trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Chủ tịch Hội đồng sát hạch lái xe kết luận chung và ký vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.

**Điều 34. Trách nhiệm của Cục Cảnh sát giao thông**

1. Công nhận đủ điều kiện sân sát hạch lái xe mô tô, trung tâm sát hạch lái xe ô tô; tổ chức việc sát hạch lái xe.

2. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các sân sát hạch, trung tâm sát hạch lái xe bảo đảm độ chính xác của các trang thiết bị chấm điểm tự động theo quy định; trường hợp cần thiết có thể tạm dừng các hoạt động của sân để khắc phục.

3. Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe và tổ chức sát hạch lái xe cho học viên của cơ sở đào tạo, chuyên ngành Cảnh sát giao thông, lái xe chữa cháy.

4. Đăng tải bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết trên website của Cục Cảnh sát giao thông để cán bộ, chiến sĩ nghiên cứu, ôn luyện.

**Điều 35. Trách nhiệm của Công an cấp tỉnh**

1. Tổ chức thực hiện các quy định của Bộ Công an và hướng dẫn của Cục Cảnh sát giao thông về công tác sát hạch lái xe.

2. Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe các hạng A1, A, B1.

3. Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị cho việc tổ chức sát hạch lái xe các hạng A1, A, B1 tại địa phương.

**Điều 36. Trách nhiệm của Phòng Cảnh sát giao thông**

1. Báo cáo, đề xuất Giám đốc Công an cấp tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe.

2. Tổ chức sát hạch lái xe các hạng A1, A, B1.

**Chương IV**

**CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

**Điều 37. Giấy phép lái xe**

1. Phân hạng của Giấy phép lái xe trong Công an nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, cụ thể:

a) Hạng A1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh đến 125 cm3 hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kw;

b) Hạng A cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe mô tô hai bánh có dung tích xy lanh trên 125 cm3 hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kw và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

c) Hạng B1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;

d) Hạng B cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người đến 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B có kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;

đ) Hạng C1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 có kéo theo rơ mooc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B;

e) Hạng C cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1;

g) Hạng D1 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C;

h) Hạng D2 cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người (kể cả ô tô buýt) trên 16 chỗ đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1;

i) Hạng D cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái xe ô tô chở người (kể cả ô tô buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo theo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2;

k) Hạng BE, C1E, D1E, D2E cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B, C1, D1, D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

l) Hạng CE cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc;

m) Hạng DE cấp cho cán bộ, chiến sĩ lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 75 kg; xe ô tô chở khách nối toa;

n) Trường hợp xe được thiết kế, cải tạo số chỗ ít hơn xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương thì hạng giấy phép lái xe được tính theo xe cùng kiểu loại, kích thước giới hạn tương đương.

2. Thời hạn của giấy phép lái xe:

a) Giấy phép lái xe các hạng A1, A, B1 không thời hạn;

b) Giấy phép lái xe hạng B có thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp;

c) Giấy phép lái xe các hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp.

3. Cán bộ, chiến sĩ được cấp Giấy phép lái xe với 01 số riêng biệt. Số Giấy phép lái xe trong Công an nhân dân gồm 02 nhóm chữ số, cách nhau bằng dấu chấm. Đối với Giấy phép lái xe mô tô thì sau số Giấy phép lái xe có thêm ký hiệu “M”, cụ thể:

a) Nhóm thứ nhất: Gồm 2 chữ số, ký hiệu tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Nhóm thứ hai: Gồm 6 chữ số là số thứ tự của Giấy phép lái xe;

c) Cán bộ, chiến sĩ đã được cấp Giấy phép lái xe bằng thẻ nhựa thì được giữ nguyên số Giấy phép lái xe khi đổi, cấp lại.

4. Độ tuổi của cán bộ, chiến sĩ được cấp Giấy phép lái xe trong Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

**Điều 38. Cấp Giấy phép lái xe**

1. Giấy phép lái xe được cấp cho cán bộ, chiến sĩ trúng tuyển kỳ sát hạch lái xe. Ngày trúng tuyển là ngày ký Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch và cấp Giấy phép lái xe.

2. Hồ sơ cấp Giấy phép lái xe:

a) Các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư này đối với trường hợp cấp Giấy phép lái xe lần đầu;

b) Các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 28 Thông tư này đối với trường hợp cấp Giấy phép lái xe nâng hạng;

c) Các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 28 Thông tư này đối với trường hợp cấp Giấy phép lái xe quá hạn phải sát hạch lại.

3. Trình tự giải quyết: Căn cứ kết quả sát hạch lái xe, cơ quan Cảnh sát giao thông có thẩm quyền nhập dữ liệu người trúng tuyển sát hạch vào chương trình quản lý Giấy phép lái xe và sổ quản lý Giấy phép lái xe. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cán bộ, chiến sĩ dự sát hạch lái xe trúng tuyển, cơ quan Cảnh sát giao thông phải cấp Giấy phép lái xe cho cán bộ, chiến sĩ trúng tuyển.

4. Cán bộ, chiến sĩ tự bảo quản hồ sơ cấp Giấy phép lái xe và mang đến cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý Giấy phép lái xe khi làm các thủ tục liên quan.

**Điều 39. Cấp đổi Giấy phép lái xe**

1. Giấy phép lái xe bị sai thông tin hoặc bị hết hạn hoặc bị hư hỏng thì phải thực hiện cấp đổi Giấy phép lái xe hoặc khi có nhu cầu được đề nghị cấp đổi Giấy phép lái xe.

2. Trình tự, thủ tục cấp đổi Giấy phép lái xe

a) Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe (theo mẫu số 01) có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý; hồ sơ gốc (đối với trường hợp chưa có tên trong chương trình, sổ quản lý của cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý Giấy phép lái xe); Giấy phép lái xe (đối với những Giấy phép lái xe hết hạn sử dụng hoặc sai thông tin); bản sao Giấy phép lái xe (đối với những Giấy phép lái xe còn hạn sử dụng), xuất trình bản chính để đối chiếu; 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư này;

b) Trình tự giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý Giấy phép lái xe có trách nhiệm đổi Giấy phép lái xe; hạng, thời hạn và số của Giấy phép lái xe áp dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 37 Thông tư này; nhập thông tin vào chương trình quản lý lái xe, sổ quản lý Giấy phép lái xe. Khi trả kết quả phải cắt góc Giấy phép lái xe cũ.

3. Trình tự, thủ tục cấp đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải, Quân đội nhân dân cấp:

a) Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi, cấp lại Giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác (mẫu số 01); 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư này; giấy chứng nhận sức khỏe của cán bộ, chiến sĩ lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Y tế; Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng; bản sao có chứng thực quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động (từ 12 tháng trở lên) của cấp có thẩm quyền hoặc bản phô tô chứng minh Công an nhân dân (xuất trình bản chính để đối chiếu); hồ sơ gốc;

b) Trình tự giải quyết: Cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý Giấy phép lái xe tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn giải quyết trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; nhập thông tin vào chương trình quản lý lái xe, sổ quản lý Giấy phép lái xe và thông báo cho ngành Giao thông vận tải hoặc Quân đội biết để phối hợp quản lý;

c) Hạng ghi trong Giấy phép lái xe Công an nhân dân sau khi được đổi tương ứng với hạng ghi trong Giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải, Quân đội nhân dân cấp trước đó. Đối với Giấy phép lái xe hạng Fx do Quân đội nhân dân cấp được đổi sang Giấy phép lái xe hạng C của ngành Công an. Thời hạn và số của Giấy phép lái xe áp dụng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 37 Thông tư này. Khi trả kết quả, phải cắt góc Giấy phép lái xe cũ.

4. Cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe hạng D đủ 57 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, có nhu cầu tiếp tục lái xe được xét đổi Giấy phép lái xe từ hạng D2 trở xuống:

a) Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe (mẫu số 01) có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý; hồ sơ gốc; Giấy phép lái xe hạng D; 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư này;

b) Trình tự giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

5. Sau khi giải quyết, cán bộ thực hiện nhiệm vụ cấp đổi Giấy phép lái xe có trách nhiệm đóng dấu vuông, ghi rõ ngày, tháng, năm cấp đổi tại mặt trước, phía trên, bên phải đơn đề nghị theo mẫu và ký xác nhận (ghi rõ tên cán bộ thực hiện).

**Điều 40. Cấp lại Giấy phép lái xe**

1. Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng nhưng bị mất được đề nghị cấp lại giấy phép, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lái xe (mẫu số 01) có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý;

b) Đơn cam kết chịu trách nhiệm về việc Giấy phép lái xe bị mất, không sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật;

c) 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư này;

d) Hồ sơ gốc (đối với trường hợp chưa có tên trong chương trình, sổ quản lý của cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý Giấy phép lái xe).

2. Trình tự giải quyết: Cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý Giấy phép lái xe tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn giải quyết sau 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu không phát hiện Giấy phép lái xe đang bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, có tên trong hồ sơ quản lý thì được cấp lại Giấy phép lái xe; nhập thông tin vào chương trình quản lý lái xe, sổ quản lý Giấy phép lái xe. Trường hợp giấy phép lái xe đang thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý Giấy phép lái xe của địa phương khác, đơn vị tiếp nhận hồ sơ có công văn đề nghị xác minh thông tin giấy phép lái xe trước khi thực hiện các thủ tục cấp lại giấy phép lái xe theo quy định.

Hạng, thời hạn và số Giấy phép lái xe áp dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 37 Thông tư này. Sau khi giải quyết, cán bộ thực hiện nhiệm vụ cấp lại Giấy phép lái xe có trách nhiệm đóng dấu vuông và ghi rõ ngày, tháng, năm cấp lại mặt trước, phía trên, bên phải đơn đề nghị theo mẫu và ký xác nhận (ghi rõ tên cán bộ thực hiện).

**Điều 41. Thu hồi, tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe**

1. Giấy phép lái xe bị thu hồi trong các trường hợp: Do được đào tạo, sát hạch, cấp sai thẩm quyền; người được cấp Giấy phép lái xe không đủ điều kiện sức khoẻ theo kết luận của cơ sở khám chữa bệnh đối với từng hạng giấy phép lái xe; Giấy phép lái xe đã quá thời hạn tạm giữ hoặc hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu người vi phạm không đến nhận mà không có lý do chính đáng.

2. Các trường hợp tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 42. Giải quyết một số trường hợp cụ thể**

1. Cấp đổi Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng:

a) Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến 12 tháng, cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe phải sát hạch lại lý thuyết đạt yêu cầu mới được đổi Giấy phép lái xe;

b) Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng trên 12 tháng, cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành kỹ năng lái xe đạt yêu cầu mới được đổi Giấy phép lái xe;

c) Hồ sơ, trình tự giải quyết đổi Giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Thông tư này.

2. Cấp lại Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng và bị mất: Cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe hết thời hạn sử dụng và bị mất khi có yêu cầu cấp lại thì thực hiện theo quy định tại Điều 40 Thông tư này.

3. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có yêu cầu đổi, cấp lại Giấy phép lái xe ô tô hết thời hạn sử dụng mà phải sát hạch lại lý thuyết, thực hành kỹ năng lái xe thì Cục Cảnh sát giao thông tổ chức sát hạch lại. Cán bộ, chiến sĩ trực tiếp gửi hồ sơ về Cục Cảnh sát giao thông hoặc gửi về Phòng Cảnh sát giao thông.

Đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe hết hạn gửi hồ sơ trực tiếp về Cục Cảnh sát giao thông, thời gian hết hạn của giấy phép lái xe được tính từ ngày hết hạn giá trị sử dụng ghi trên Giấy phép lái xe đến thời điểm Cục Cảnh sát giao thông tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo quy định.

Đối với trường hợp cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe hết hạn gửi hồ sơ về Phòng Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, lập danh sách và gửi Cục Cảnh sát giao thông đề nghị tổ chức sát hạch lại. Thời gian hết hạn của giấy phép lái xe được tính từ ngày hết hạn giá trị sử dụng ghi trên Giấy phép lái xe đến thời điểm Phòng Cảnh sát giao thông tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo quy định. Quá trình tiếp nhận hồ sơ, cán bộ tiếp nhận phải đóng dấu vuông và ghi rõ ngày, tháng, năm tiếp nhận mặt trước, phía trên, bên phải đơn đề nghị theo mẫu và ký xác nhận (ghi rõ tên cán bộ tiếp nhận).

4. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe bằng chất liệu giấy còn thời hạn sử dụng nếu có nhu cầu thì được đổi sang Giấy phép lái xe bằng chất liệu nhựa. Hồ sơ, trình tự giải quyết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Thông tư này.

5. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe ô tô và mô tô ghép chung, nếu cán bộ, chiến sĩ có yêu cầu hoặc khi làm thủ tục đổi, cấp lại thì tách riêng Giấy phép lái xe theo hạng xe tương ứng. Hạng, thời hạn và số Giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 37 và khoản 2 Điều 46 Thông tư này.

6. Trường hợp mất hồ sơ gốc:

Cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng hoặc hết hạn dưới 03 tháng, nhưng mất hồ sơ gốc, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, khi có đề nghị được xem xét đổi Giấy phép lái xe, cụ thể:

Cán bộ, chiến sĩ có bị mất hồ sơ gốc liên hệ với cơ quan quản lý giấy phép lái xe hoặc cơ sở đào tạo để xin xác nhận các thông tin thay thế hồ sơ gốc, cụ thể:

a) Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị xác nhận thông tin hồ sơ, giấy phép lái xe; Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng;

b) Trình tự giải quyết:

Trường hợp Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp thì cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý Giấy phép lái xe hoặc cơ sở đào tạo lái xe, trong thời gian 10 ngày, kiểm tra, xác nhận theo mẫu số 16 và trả cho người lái xe tự bảo quản để thay hồ sơ gốc.

Trường hợp Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải, Quân đội nhân dân cấp thì cán bộ, chiến sĩ liên hệ với cơ quan quản lý sát hạch lái xe thuộc ngành Giao thông vận tải, Quân đội nhân dân để xin xác nhận các thông tin thay hồ sơ gốc theo quy định.

1. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có nhu cầu đổi Giấy phép lái xe hạng B có điều kiện hạn chế điều khiển xe ô tô số tự động do các cơ quan có thẩm quyền cấp sang Giấy phép lái xe do Công an cấp phải tham gia khóa đào tạo, sát hạch cấp Giấy phép lái xe hạng B theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.
2. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có Giấy phép lái xe do nước ngoài cấp còn giá trị sử dụng, nếu có nhu cầu đổi sang giấy phép lái xe của ngành Công an thì phải làm thủ tục đổi sang Giấy phép lái xe của ngành Giao thông vận tải trước khi làm thủ tục đổi sang Giấy phép lái xe của ngành Công an.

**Điều 43. Quản lý hồ sơ Giấy phép lái xe**

1. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có quyết định điều động công tác sang địa phương khác, khi Giấy phép lái xe đến hạn, bị hư hỏng, bị mất phải đến cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý Giấy phép lái xe nơi hiện đang công tác làm thủ tục đổi, cấp lại. Hồ sơ, trình tự giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Thông tư này.

2. Cán bộ, chiến sĩ thuộc cơ quan trực thuộc Bộ Công an có trụ sở tại địa phương được đổi, cấp lại Giấy phép lái xe tại Phòng Cảnh sát giao thông của địa phương đó. Hồ sơ, trình tự giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Thông tư này. Sau khi giải quyết, Phòng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm báo cáo Cục Cảnh sát giao thông để phối hợp theo dõi, quản lý.

3. Người có Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp khi không phục vụ trong ngành Công an thì đến cơ quan quản lý Giấy phép lái xe thuộc ngành giao thông vận tải, quân đội để làm thủ tục đổi Giấy phép lái xe theo quy định.

**Điều 44. Thực hiện việc đổi, cấp lại Giấy phép lái xe trên môi trường điện tử**

Thủ tục đổi, cấp lại Giấy phép lái xe trên môi trường điện tử được thực hiện trên cổng dịch vụ công Bộ Công an. Cán bộ, chiến sĩ kê khai đầy đủ các thông tin cá nhân và cập nhật các hồ sơ quy định tại Điều 39, Điều 40 Thông tư này lên cổng dịch vụ công Bộ Công an.

Cơ quan quản lý Giấy phép lái xe có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các thông tin của hồ sơ điện tử với cơ sở dữ liệu quản lý Giấy phép lái xe, trường hợp thông tin trùng khớp thì gửi thông báo qua tin nhắn điện thoại hoặc thư điện tử cho cán bộ, chiến sĩ để nộp lệ phí và nhận kết quả đổi, cấp lại Giấy phép lái xe. Trường hợp chưa hợp lệ theo quy định thì cơ quan quản lý Giấy phép lái xe có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ bổ sung qua tin nhắn điện thoại hoặc thư điện tử.

**CHƯƠNG V**

**BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN**

**Điều 45. Hồ sơ dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

Cán bộ, chiến sĩ nộp hồ sơ sau đây tại cơ sở được phép bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bao gồm:

1. Đơn đề nghị học, kiểm tra, cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (mẫu số 02);

2. Thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (bản sao);

3. Giấy chứng nhận sức khỏe của cán bộ, chiến sĩ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định của Bộ Y tế.

4. 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 3x4cm; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, học viên các trường Công an nhân dân mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân. Công nhân Công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân mặc trang phục gọn gàng, lịch sự.

**Điều 46. Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân là các cơ sở đào tạo lái xe ô tô, phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện về phòng học pháp luật về trật tự, giao thông đường bộ và đội ngũ giáo viên dạy lý thuyết pháp luật về giao thông đường bộ, văn hoá giao thông theo quy định của Điều 12, 13 Thông tư này và phải được Cục Cảnh sát giao thông công nhận tại Quyết định công nhận năng lực đào tạo lái xe.

**Điều 47. Chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **stt** | **Nội dung chương trình** | | **Số giờ** | |
| 1 | Pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ. | | 12 | |
| 2 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ | | 8 | |
| 3 | Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ | | 3 | |
| 4 | Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ. | | 3 | |
| 5 | Ôn tập và kiểm tra. | | 5 | |
| Tổng cộng số giờ: | | 32 | |

**Điều 48. Trách nhiệm của cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

1. Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tiếp nhận hồ sơ dự học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo quy định tại điều 45 Thông tư này và báo cáo mở lớp với Cục Cảnh sát giao thông để theo dõi, quản lý.

2. Căn cứ Chương trình đào tạo quy định tại Điều 47 Thông tư này, cơ sở bồi dưỡngkiến thức pháp luật về giao thông đường bộ xây dựng giáo trình và nội dung chi tiết chương trình đào tạo và tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người học.

3. Tổ chức kiểm tra, cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người kiểm tra đạt yêu cầu và lập biên bản tổng hợp kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (mẫu số 04). Trường hợp chưa đạt yêu cầu sẽ được tổ chức kiểm tra lại theo đề nghị của người học.

4. Báo cáo công tác bồi dưỡng và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ với Cục Cảnh sát giao thông theo nội dung sau:

a) Báo cáo kết quả bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân (mẫu số 28);

b) Sổ theo dõi sử dụng phôi Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân (mẫu số 13).

**Điều 49. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến pháp luật về giao thông đường bộ**

1. Mẫu Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân theo mẫu số 18 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chứng chỉ có giá trị không thời hạn và được sử dụng trong phạm vi cả nước.

3. Số chứng chỉ gồm 3 phần: Số thứ tự; ký hiệu cơ quan cấp; năm cấp.

**Điều 50. Cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ bồi dưỡng kiến pháp luật về giao thông đường bộ**

1. Cấp mới:

Sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cấp Chứng chỉ cho người học.

2. Đổi, cấp lại:

Người có Chứng chỉ bị hỏng, sai lệch thông tin, bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp Chứng chỉ sẽ được đổi, cấp lại theo số Chứng chỉ đã cấp. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị học, kiểm tra, cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này (bản chính);

b) Thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (bản sao);

c) 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 3x4cm; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sỹ, học viên các trường Công an nhân dân mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân. Công nhân Công an, người có hợp đồng lao động trong Công an nhân dân mặc trang phục gọn gàng, lịch sự.

3. Nơi nộp Hồ sơ đổi, cấp lại Chứng chỉ:

a) Nơi cấp Chứng chỉ lần đầu;

b) Trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp Chứng chỉ không còn hoạt động, thì nộp tại Cục Cảnh sát giao thông nơi quản lý cơ sở cấp Chứng chỉ.

4. Thời gian đổi, cấp lại Chứng chỉ:

Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ sở đào tạo hoặc Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thôngđổi, cấp lại Chứng chỉ.

5. Thu hồi Chứng chỉ:

Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Chứng chỉ được cấp sai quy định;

b) Người được cấp có hành vi gian dối để được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

c) Người được cấp Chứng chỉ không đủ điều kiện về sức khoẻ theo kết luận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ và Cục Cảnh sát giao thông thực hiện việc thu hồi Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi, người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định của Thông tư này phải nộp chứng chỉ về cơ quan ra Quyết định để huỷ bỏ theo quy định.

**Chương VI**

**QUẢN LÝ HỒ SƠ, BIỂU MẪU**

**Điều 51. Quản lý hồ sơ**

1. Cơ sở đào tạo lái xe có trách nhiệm quản lý, lưu trữ các loại hồ sơ theo quy định của Bộ Công an về công tác hồ sơ, gồm các tài liệu sau:

a) Quyết định thành lập cơ sở đào tạo và hồ sơ công nhận năng lực đào tạo;

b) Hồ sơ công tác đào tạo, gồm: Giáo trình giảng dạy do Cục Cảnh sát giao thông phát hành; sổ lên lớp; sổ theo dõi thực hành lái xe; danh sách giáo viên dạy lý thuyết và thực hành lái xe; danh sách xe tập lái.

c) Hồ sơ các lớp đào tạo, sát hạch lái xe, gồm: Sổ cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; quyết định về việc mở lớp đào tạo lái xe; công văn đề nghị mở lớp kèm theo danh sách học viên; kế hoạch đào tạo lái xe; công văn đề nghị sát hạch lái xe kèm theo danh sách học viên; quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe; biên bản họp Hội đồng sát hạch tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; danh sách học viên dự thi lý thuyết, thực hành lái xe; danh sách học viên trúng tuyển, cấp giấy phép lái xe.

d) Hồ sơ các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, gồm: Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ kèm theo danh sách học viên; kế hoạch đào tạo lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; biên bản kết quả kiểm tra lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (có danh sách học viên dự kiểm tra, danh sách học viên đạt yêu cầu, danh sách học viên không đạt yêu cầu kèm theo); báo cáo kết quả bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng; quyết định cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (kèm danh sách học viên được cấp Chứng chỉ); sổ cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; sổ theo dõi sử dụng Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

đ) Thời gian lưu trữ

Lưu trữ không thời hạn đối với tài liệu quy định tại điểm a, sổ cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe quy định tại điểm c Khoản này; Sổ cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại điểm d Khoản này; dữ liệu khóa học, danh sách học viên được lưu trữ trên phần mềm lưu tại cơ quan quản lý và cơ sở đào tạo lái xe;

Lưu trữ trong thời gian 02 năm đối với các tài liệu còn lại.

2. Trung tâm sát hạch lái xe có trách nhiệm quản lý, lưu trữ các loại hồ sơ theo quy định của Bộ Công an về công tác hồ sơ, gồm các tài liệu sau:

a) Quyết định thành lập Trung tâm sát hạch và Hồ sơ công nhận đủ điều kiện sát hạch;

b) Hồ sơ các kỳ sát hạch, gồm: Quyết định về việc thành lập Hội đồng sát hạch lái xe; biên bản họp Hội đồng sát hạch tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; danh sách học viên dự thi lý thuyết, thực hành lái xe; danh sách học viên trúng tuyển, cấp giấy phép lái xe.

c) Thời gian lưu trữ: không thời hạn.

3. Cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch lái xe có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ theo từng cơ sở đào tạo lái xe, Trung tâm sát hạch lái xe

a) Hồ sơ quản lý tại cơ sở đào tạo lái xe, gồm các hồ sơ, tài liệu quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 1 Điều này (trừ sổ cấp chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe).

b) Hồ sơ quản lý tại Trung tâm sát hạch lái xe, gồm các hồ sơ, tài liệu quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều này.

c) Thời gian lưu trữ: không thời hạn.

**Điều 52. Quản lý biểu mẫu**

1. In, quản lý, sử dụng biểu mẫu

a) Cục Cảnh sát giao thông phối hợp với Viện Khoa học và công nghệ, Bộ Công an thống nhất thiết kế, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật các loại biểu mẫu: giấy phép lái xe, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe, Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; thẻ sát hạch viên, giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe, giấy phép xe tập lái. Các biểu mẫu được quản lý theo chế độ hồ sơ của Bộ Công an do Cục Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm đặt in theo đăng ký của Công an các đơn vị, địa phương, các cơ sở đào tạo lái xe;

b) Trừ các biểu mẫu do Cục Cảnh sát giao thông đặt in, quản lý tại điểm a khoản này, các biểu mẫu còn lại Phòng Cảnh sát giao thông, cơ sở đào tạo lái xe tự in và quản lý, sử dụng theo quy định;

c) Các biểu mẫu quy định tại điểm a Khoản này bị hỏng thì phải thống kê theo sêri và định kỳ 01 năm cơ quan Cảnh sát giao thông quản lý giấy phép lái xe thành lập Hội đồng hủy.

d) Căn cứ vào nhu cầu thực tế, Phòng Cảnh sát giao thông đăng ký với Cục Cảnh sát giao thông số lượng biểu mẫu giấy phép lái xe của đơn vị mình. Kinh phí in ấn, quản lý, sử dụng biểu mẫu được bố trí trong kinh phí của Công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Căn cứ vào nhu cầu thực tế, cơ sở đào tạo lái xe đăng ký với Cục Cảnh sát giao thông số lượng chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ của đơn vị mình. Kinh phí in ấn, quản lý, sử dụng biểu mẫu được bố trí trong kinh phí đào tạo của cơ sở đào tạo lái xe.

2. Hủy biểu mẫu

a) Hủy biểu mẫu quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Hội đồng hủy biểu mẫu của Cục Cảnh sát giao thông do Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông làm Phó Chủ tịch; Trưởng phòng Hậu cần và cán bộ Phòng Hậu cần làm Ủy viên; cán bộ quản lý biểu mẫu Phòng Hướng dẫn đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông làm Thư ký;

c) Hội đồng hủy biểu mẫu của Công an địa phương do Trưởng phòng Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Hậu cần làm Phó Chủ tịch; Đội trưởng Đội đăng ký, quản lý xe làm Ủy viên; cán bộ quản lý biểu mẫu Phòng Cảnh sát giao thông làm Thư ký;

d) Hội đồng hủy biểu mẫu có trách nhiệm kiểm kê, tiến hành tiêu hủy biểu mẫu để không còn giá trị sử dụng, lập biên bản hủy biểu mẫu và báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông hoặc Giám đốc Công an địa phương về kết quả thực hiện.

**Chương VII**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 53. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024 và thay thế Thông tư số 12/2024/TT-BCA ngày 04/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe trong Công an nhân dân.

**Điều 54. Quy định chuyển tiếp**

1. Giấy phép lái xe được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nếu chưa thực hiện đổi, cấp lại được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trong giấy phép và có hiệu lực sử dụng như sau:

a) Hạng A1 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm3 đến dưới 175 cm3 hoặc có công suất động cơ điện từ 04kw đến dưới 14kw;

b) Hạng A2 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 175 cm3 trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14kw trở lên và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Giấy phép lái xe hạng A3 được tiếp tục điều khiển xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và các xe tương tự;

d) Giấy phép lái xe hạng A4 được tiếp tục điều khiển máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg;

đ) Giấy phép lái xe hạng B1 cấp cho người không hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

e) Giấy phép lái xe hạng B2 cấp cho người hành nghề lái xe được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg;

g) Giấy phép lái xe hạng C được tiếp tục điều khiển xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2 quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này;

h) Giấy phép lái xe hạng D được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người từ 10 đến 30 chỗ ngồi (kể cả chỗ của người lái xe) và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C quy định tại điểm đ, e, g khoản 1 Điều này;

i) Giấy phép lái xe hạng E được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D quy định tại điểm đ, e, g, h khoản 1 Điều này;

k) Giấy phép lái xe hạng FB2, FD được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B2, D quy định tại điểm e, h khoản 1 Điều này khi kéo rơ moóc; Giấy phép lái xe hạng FC được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng C quy định tại điểm g khoản 1 Điều này khi kéo rơ moóc, đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc; Giấy phép lái xe hạng FE được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng E quy định tại điểm i khoản 1 Điều này khi kéo rơ moóc hoặc xe ô tô chở khách nối toa.

2. Giấy phép lái xe đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành khi đổi, cấp lại thực hiện như sau:

a) Giấy phép lái xe hạng A1 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A với điều kiện hạn chế điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh đến dưới 175 cm3 hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14kw;

b) Giấy phép lái xe hạng A2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng A;

c) Giấy phép lái xe hạng A3 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng B1;

d) Giấy phép lái xe hạng A4 được đổi, cấp lại sang chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển xe máy kéo có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 1.000 kg và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng;

đ) Giấy phép lái xe hạng B1, B2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng C1 và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có khối lượng toàn bộ theo thiết kế dưới 3.500 kg;

e) Giấy phép lái xe hạng C giữ nguyên và đổi, cấp lại cùng hạng và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 3.500 kg trở lên;

g) Giấy phép lái xe hạng D được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2 và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 3.500 kg trở lên;

h) Giấy phép lái xe hạng E được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 3.500 kg trở lên;

i) Giấy phép lái xe hạng FB2 được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng C1E và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có khối lượng toàn bộ theo thiết kế dưới 3.500 kg;

k) Giấy phép lái xe hạng FC được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng CE và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 3.500 kg trở lên;

l) Giấy phép lái xe hạng FD được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng D2E và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 3.500 kg trở lên;

m) Giấy phép lái xe hạng FE được đổi, cấp lại sang giấy phép lái xe hạng DE và chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo có khối lượng toàn bộ theo thiết kế từ 3.500 kg trở lên.

3. Giấy phép xe tập lái, Giấy chứng nhận giáo viên dạy lái xe đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trong giấy phép. Khi đổi, cấp lại thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Trường hợp đã tiếp nhận hồ sơ, đang thực hiện đào tạo lái xe nhưng chưa kết thúc khóa học, khi Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện đào tạo theo quy định tại Thông tư số 12/2024/TT-BCA. Việc sát hạch, cấp Giấy phép lái xe được thực hiện theo quy định tại Thông tư này

5. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 8 năm 2025, cơ sở đào tạo phải trang bị và sử dụng thiết bị DAT để đào tạo lái xe ô tô. Trong thời gian cơ sở đào tạo lái xe chưa trang bị đầy đủ hệ thống thông tin DAT, cơ sở đào tạo lái xe xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo và tổ chức giảng dạy theo đúng thời lượng quy định tại Điều 21, Điều 22 của Thông tư này.

6. Cục Cảnh sát giao thông hướng dẫn các Trung tâm sát hạch lái xe thực hiện việc trang bị hệ thống camera giám sát sát hạch lái xe theo quy định tại Khoản 10 Điều 25 Thông tư này; Chủ trì kết nối cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe trong Công an nhân dân với các Trung tâm sát hạch lái xe trong Công an nhân dân để nhận và lưu trữ dữ liệu từ hệ thống camera giám sát sát hạch lái xe. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 8 năm 2025, Trung tâm sát hạch lái xe trong Công an nhân dân phải trang bị và sử dụng thiết bị giám sát sát hạch lái xe.

7. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Thông tư được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

**Điều 55. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương, các cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe về công tác đào tạo lái xe, sát hạch lái xe, cấp, đổi, quản lý giấy phép lái xe và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ trong Công an nhân dân; tổ chức thực hiện và hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương thực hiện quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ khi có thay đổi.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Học viện, Hiệu trưởng các trường Công an nhân dân, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để kịp thời hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an; - Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;  - Các học viện, trường Công an nhân dân; - Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Lưu: VT, C08, V03. | **BỘ TRƯỞNG**  **Thượng tướng Lương Tam Quang** |